TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 861/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Lê Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2565/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4938/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sẳm Phí N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 49/64/14 đường T, phường P, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phu Van K, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Quốc tịch: Thụy Điển

Địa chỉ: 1002 424 43 Angered, Sweden.

Bà Sẳm Phí N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2016 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Sẳm Phí N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phu Van K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 2180, Quyển số 11 ngày 20/8/2013. Sau khi kết hôn, bà và ông K chung sống với nhau được khoảng 07 ngày, sau đó ông K trở về

Thụy Điển sinh sống và làm việc, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Kể từ đó đến nay, ông K không trở lại Việt Nam thăm bà và vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc cho nhau trong thời gian dài. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phu Van K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc, bà đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông Phu Van K, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án cho ông Phu Van K theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Phu Van K có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Sắm Phí Ngồ khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 1231/TTTPDS-TA ngày 16/11/2016). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tống đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngày 01/3/2019, Tòa án có Công văn số 780/TAND-CV đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển thực hiện thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo ngày, giờ, địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa cho ông Phu Van K. Theo đó, Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển đã thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở và đăng tải nội dung thông báo của Tòa án trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán. Nhưng cho đến nay, ông Phu Van K vẫn không có phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Sắm Phí N, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Ngồ và ông Phu Van K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Phu Van K hiện đang cư trú tại Thụy Điển nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Sắm Phí N yêu cầu ly hôn ông Phu Van K, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà N (bà N cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì bà và ông Phu Van K chung sống không hạnh phúc. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà N và ông Phu Van K không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà N và ông Phu Van K đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu ly hôn với ông Phu Van K là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Sắm Phí N khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà N ly hôn với ông Phu Van K là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà Sắm Phí N chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Sắm Phí N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Sắm Phí N được ly hôn với ông Phu Van K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2180, Quyển số 11 ngày 20/8/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Phu Van K và bà Sắm Phí N không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Sẳm Phí N khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà Sẳm Phí N chịu và được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0031248 ngày 28/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Sẳm Phí N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Phu Van K được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao